

SUY NGHĨ TỪ CON RỒNG ĐÀI LOAN

TRẦN HỒI SINH

Đài Loan hầu như không có tài nguyên nào đáng kể, nghèo nàn lạc hậu, với dân số 20 triệu đã trở thành một nước công nghiệp mới (Nics), một trong bốn con rồng châu Á. Ngay từ những năm đầu 1950 thu nhập bình quân đầu người hơn 100 USD. Thế nhưng qua 3,4 thập niên đến năm 1990 đã đạt đến 7.790 USD/người, với tốc độ phát triển này dự báo đến 1996 có khả năng đạt đến 14.000 USD/người, dự trữ ngoại tệ 86 tỷ USD. Mức sống của người dân khá cao so với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chỉ sau Nhật, 80% dân số đạt mức sống trung lưu.

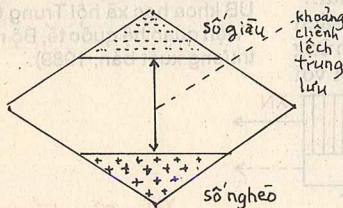
Với những điều kiện như vậy, lại có bước phát triển thần kỳ đó quả cho chúng ta nhiều suy nghĩ, đó là nhờ:

+ Sự hỗ trợ tác động rất lớn từ nguồn vốn, kỹ thuật, thị trường, cung cách quản lý có hiệu quả của Mỹ và các nước đồng minh trong một thời gian khá dài từ 1949 - 1965 mới chấm dứt.

+ Con người được đào tạo, rèn luyện kết hợp với khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý hiện đại, với đức tính cần cù, chịu khó, tiết kiệm và không mặc cảm nghề nghiệp của người Hoa.

+ Nhà nước đóng vai trò điều hành, điều tiết và thu thuế khá tốt.

+ Về phân phối thu nhập, nhà nước có chính sách chặt chẽ trong việc điều tiết thực hiện công bằng xã hội, mở rộng phúc lợi xã hội theo hướng lý thuyết hình thoi. Số lượng của người ở hai cực giàu và nghèo ít dần, và khoảng cách giữa giàu và nghèo chênh lệch độ 4 lần.



+ Đầu tư nước ngoài vào Đài Loan tập trung từ cuối những năm 1950 cho đến đầu những năm 1970 và sau đó giảm dần. Và từ những năm sau đó Đài Loan chuyển hướng đầu tư ra nước ngoài ngày một mạnh hơn, hiện nay có 3.233 công ty Đài Loan đã đầu tư 15,3 tỷ USD vào Đông Nam Á. Đài Loan chọn những điểm ưu tiên trong chính sách đầu tư của mình về phương nam có cảng Subic của Philippines, đảo Batan của Indonesia và Việt Nam (Đài

Loan đầu tư vào Việt Nam 1.476 triệu USD dẫn đầu các nước đầu tư).

Từ thực tế phát triển kinh tế của Đài Loan cho ta những suy nghĩ:

- An ninh chính trị được giữ vững ổn định là điều kiện tiên đề để thu hút vốn đầu tư nước ngoài và sự yên tâm cho dân chúng làm ăn xây dựng kinh tế xã hội.

- Mức lương thấp (lao động rẻ) không hẳn đã thu hút đầu tư nước ngoài, mà còn yếu tố nhanh gọn trong thủ tục hành chính nữa.

- Điều kiện thị trường có ảnh hưởng rất lớn đến hình thái kỹ thuật. Đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng đến cơ cấu sản xuất trong nước.

- Đầu tư ra nước ngoài của Đài Loan có lợi hơn có hại, nó tăng nhanh tốc độ nâng cấp ngành nghề trong nước và có tác động chuyển đổi tình hình nền kinh tế.

Như vậy, đối với phát triển kinh tế đầu tư nước ngoài có tác dụng thúc đẩy, nhưng đầu tư nước ngoài không phải là động lực cơ bản cho nền kinh tế phát triển, nó có tác dụng phối hợp trong những điều kiện thích đáng, nó sẽ gia tăng phát triển của nền kinh tế.

Những kinh nghiệm phát triển kinh tế của Đài Loan nói trên, đáng cho Việt Nam chúng ta tham khảo. Cụ thể trên một số mặt sau đây:

• Đẩy mạnh việc huy động thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đi đôi với khai thác vốn trong nước có những phương án khả thi để sử dụng đồng vốn đó như thế nào đem lại hiệu quả cao nhất.

• Cần nhận biết rõ ta đang đứng ở đâu, thời điểm nào, do đó việc nhập máy móc kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý phải có sự chọn lọc. Việt Nam không phải là chỗ chứa, là nghĩa địa của máy móc kỹ thuật và cách quản lý lạc hậu. Không phải vì thiếu mà cái gì ta cũng nhận, cũng nhập một cách tràn lan dưới các hình thức viện trợ, đầu tư...

• Lao động nước ta dồi dào về số lượng nhưng còn là lao động giản đơn, do đó cần đặc biệt đầu tư, cưỡng bách nâng cao trình độ học vấn và mỗi công dân phải có một trình độ nghề nghiệp, có như vậy mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế.

Chúng ta phải biết phát huy tính cần cù, thông minh, lòng tự trọng, tự tin dũng cảm vượt qua mọi trở lực cùng nhau xây dựng một đất nước phồn vinh, hạnh phúc cũng như các nước trong khu vực ♣

Trước kia nhiều người cho rằng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là một đặc thù của CNXH.

Kế hoạch hóa ở tầm vĩ mô ra đời từ sau Cách mạng XHCN tháng mười Nga. Từ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928-1932) cho đến kế hoạch 5 năm lần thứ mười một (1981-1985), mỗi kỳ kế hoạch đều xác định mục tiêu phấn đấu và rút ra những bài học kinh nghiệm cho những kỳ kế hoạch sau. Nhìn chung đời sống vật chất văn hóa tinh thần của nhân dân dần dần được cải thiện, nền kinh tế đã góp phần đưa Liên Xô từ trình độ lạc hậu trở thành nước có nền công nghiệp hùng mạnh, có tiềm lực quốc phòng vững chắc là trụ cột của hệ thống XHCN.

Các nước trong hệ thống XHCN trong đó có VN cũng sử dụng công cụ kế hoạch hóa để quản lý nền kinh tế.

Sau khi Liên Xô tan rã thì kế hoạch hóa mà nhiều người cho là đặc thù của CNXH còn cơ sở khách quan để tồn tại không?

Công cụ để quản lý nền kinh tế là kế hoạch có còn tác dụng không trong khi nhiều nước XHCN trước đây đã chấp nhận cơ chế thị trường.

Một ý kiến khác cho rằng kinh tế ở các nước TBCN được điều hành do cơ chế thị trường với qui luật cạnh tranh thì nền kinh tế của CNTB có thể có kế hoạch không?

Vậy thực chất vấn đề kế hoạch và thị trường như thế nào?

Trên thế giới các nhà kinh tế có nhiều ý kiến về vấn đề này. Pascallon giáo sư kinh tế trường đại học Clermont - Ferrand (Pháp) nghiên cứu quá trình hình thành tư tưởng kế hoạch hóa cho rằng nền kinh tế hàng hóa TBCN, tự do cạnh tranh ở thế kỷ 19, chưa cần đến kế hoạch. Lúc bấy giờ trong khuôn khổ cái gọi là "cạnh tranh thuần túy và đầy đủ", thị trường và các cơ chế của nó hoàn toàn đủ khả năng điều tiết nền kinh tế và thực hiện những cân đối lớn. Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế hết sức đơn giản. Song sau đó, CNTB đã trải qua những thay đổi to lớn, mà nổi bật là sự xuất hiện các tổ chức độc quyền. Từ đấy, cạnh tranh trên thị trường trở thành không đầy đủ hay là cạnh tranh độc quyền, làm đảo lộn "cơ sở khách quan" của sự điều tiết kinh tế bằng thị trường. Pascallon viết: "Kế hoạch hóa thể hiện rõ nét những thực trạng kinh tế và chính trị của CNTB hiện đại, ngày nay không còn đủ khả năng điều khiển sự phát triển của mình một cách thành công chỉ bằng thị trường". Ông coi kế hoạch là: "Công cụ cho phép toàn xã hội làm chủ và cùng nhau xây dựng tương lai của mình" (1)

Giáo sư Perkin, Giám đốc Viện quan hệ quốc tế trường Đại học Harvard (Mỹ) viết: "Điều rõ ràng là hiện nay kế hoạch hóa là một công cụ có ích cho cả nền kinh tế hỗn hợp và nền kinh tế XHCN". (1)

KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG

SỰ VẬN DỤNG VÀO HOÀN CẢNH VIỆT NAM

TRẦN VĂN THANH



chúng ta đã ngộ nhận và cho rằng nền kinh tế của ta chỉ có thành phần quốc doanh và tập thể, từ đó sử dụng một cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch trực tiếp mệnh lệnh là chủ yếu.

Việc quản lý nền kinh tế với cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp làm cho công cụ kế hoạch hóa cũng mang sắc thái đó.

Cơ chế kế hoạch hóa cũ có đặc trưng chủ yếu là mọi nguồn lực chủ yếu đều được tập trung phân phối và hệ thống chỉ tiêu hiện vật được cấp trên giao phó cho từng đơn vị cơ sở. Kế hoạch hóa mệnh lệnh quá chi tiết của cấp trên đã tạo nên tính ỷ lại, kìm hãm, hạn chế sự năng động sáng tạo của cơ sở. Cơ chế điều động "giao nộp lên trên" và "trên cấp dưới xin" đã sinh ra tiêu cực khá phổ biến. Tình trạng "lái giá lỗ thật" là phổ biến trong các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Thực chất kế hoạch hóa trong những năm trước đây là chúng ta đã bỏ qua quan hệ hàng hóa tiền tệ, bỏ qua qui luật giá trị (tức là bỏ qua cơ chế thị trường).

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ 6 và các nghị quyết 6 và 7 của Trung ương Đảng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới kế hoạch hóa đã vạch ra phương hướng bước đi của nền kinh tế ở nước ta, đã xác định nền kinh tế của ta không phải chỉ có thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể mà bao gồm nhiều thành phần kinh tế là kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế gia đình.

Đại hội Đảng lần thứ 7 tiếp tục bổ sung phát triển và hoàn thiện thêm đường lối đổi mới. Về kinh tế đại hội 7 khẳng định: "Chúng ta đã dứt khoát chuyển sang phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng, các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng, tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh. Xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Thực hiện giao lưu kinh

tế thông suốt trong cả nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế".

Có thể nói nền kinh tế của ta như Đại hội Đảng lần thứ 7 khẳng định là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đó là cơ sở là căn cứ cho việc hình thành cơ chế quản lý và kế hoạch hóa trên cả hai góc độ xây dựng cơ chế quản lý kinh tế và vận dụng tổng hợp các qui luật kinh tế để làm cho nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Như vậy kế hoạch và thị trường hay nói cơ chế kế hoạch hóa và cơ chế thị trường là hai công cụ điều tiết của nền kinh tế. Kế hoạch là sự điều tiết có ý thức của chủ thể quản lý còn thị trường là sự điều tiết khách quan theo quan hệ cung cầu và qui luật giá trị.

Vận dụng lý luận về kế hoạch và thị trường trong việc quản lý và điều tiết nền kinh tế của các nước, căn cứ vào nghị quyết của hội nghị Trung ương 6, 7 cũng như dựa vào nghị quyết Đại hội Đảng 7 trong những năm qua chúng ta đã dần dần đổi mới quản lý kinh tế, đổi mới kế hoạch hóa biểu hiện cụ thể ở một số điểm chủ yếu sau:

- Chúng ta đã xây dựng "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000", tạo ra những định hướng cơ bản cho sự phát triển đất nước, các ngành và cho các vùng lãnh thổ. Chúng ta cũng đã xây dựng kế hoạch 1991-1995 và kế hoạch hàng năm với nội dung và phương pháp kế hoạch khác nhiều so với kế hoạch 1986-1990 cũng như kế hoạch hàng năm trước đây. Kế hoạch đã chuyển từ việc áp đặt theo các chỉ tiêu pháp lệnh sang hệ thống kế hoạch mang tính định hướng. Điều nổi lên dễ thấy là các chỉ tiêu pháp lệnh giảm rất nhiều để tăng cường tính chủ động cho các cơ sở, dần dần giảm các chỉ tiêu hiện vật và gắn kế hoạch hiện vật với kế hoạch giá trị. Các chương trình dự án kinh tế là một nội dung của việc lập kế hoạch.

Cùng với kế hoạch, nhà nước rất quan tâm xây dựng hệ thống các văn bản về pháp luật kinh tế làm cơ sở cho quá trình tự do hóa kinh doanh của mọi thành phần kinh tế.

Việc vận dụng đồng thời cơ chế kế hoạch hóa và cơ chế thị trường trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta là một xu hướng đúng đắn, có tính thời đại tuy mới bước đầu nhưng đã có kết quả rõ ràng, hứa hẹn một phương thức quản lý kinh tế phù hợp trong giai đoạn mới của công cuộc phát triển kinh tế-xã hội ♣

(1) Kế hoạch và thị trường: Trung tâm thông tin UBKHNN 12.1989

toàn giải phóng nhà nước đã thành lập cơ quan kế hoạch và dùng kế hoạch là một công cụ chủ yếu để quản lý nền kinh tế.

Năm 1975 sau khi đất nước thống nhất, nhà nước đã vận dụng phương pháp quản lý kinh tế cũng như công cụ kế hoạch và các chính sách khác đã áp dụng trong chiến tranh ở miền Bắc để áp dụng cho miền Nam trong khi nền kinh tế miền Bắc và miền Nam có nhiều điểm khác nhau cơ bản.

Trong thời gian tiến hành cải tạo XHCN ở cả thành thị và nông thôn